

Mã học phần: FLF2101

Trường: ĐH Khoa học Tự nhiên

Địa điểm: A2 - ĐHNH

Ngày thi: 29/10/2018

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/ Khoa	Kết quả thi				Ghi chú	
							Nghe	Đọc-Viết	Nói	Kết luận		
1	002	18000003	Nguyễn Minh	Anh	14.10.2000	QTSH	8,8	6,8	5,0	6,9	Đạt	
2	006	18000112	Hoàng Quỳnh	Anh	11.02.2000	QTSH	8,0	8,7	4,0	7,4	Đạt	
3	009	18000006	Nguyễn Văn	Anh	27.01.2000	QTSH	9,2	8,3	6,0	8,0	Đạt	
4	003	18000114	Luong Thị Vân	Anh	27.01.2000	QTSH	9,6	7,8	7,0	8,1	Đạt	
5	015	18000011	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07.02.2000	QTSH	7,6	8,7	7,5	8,1	Đạt	
6	013	18000124	Trình Thị Ngọc	Ánh	26.01.2000	QTSH	9,2	9,3	8,0	9,0	Đạt	
7	018	18000016	Trần Tuấn	Cường	12.10.2000	QTSH	4,8	7,2	5,0	6,1	Đạt	
8	019	18000021	Luu Thị	Đào	16.02.1999	QTSH	4,0	6,2	6,0	5,6	Đạt	
9	024	18000144	Dương Xuân	Đức	28.09.2000	QTSH	7,2	9,0	7,0	8,1	Đạt	
10	031	18000028	Đặng Thị Vân	Hà	14.05.2000	QTSH	8,0	6,7	6,0	6,9	Đạt	
11	033	18000163	Trần Thanh	Hằng	15.02.2000	QTSH	9,2	9,3	8,0	9,0	Đạt	
12	038	18000034	Luong Thị	Hoa	04.03.2000	QTSH	4,4	4,7	6,0	5,0	Đạt	
13	039	18000035	Nguyễn Thị Thu	Hoài	19.09.2000	QTSH	8,0	6,8	7,0	7,2	Đạt	
14	043	18000186	Dương Thị Lan	Hương	03.12.2000	QTSH	8,4	7,7	3,0	6,7	Đạt	
15	041	18000039	Nguyễn Lan	Hương	23.10.2000	QTSH	7,6	6,8	6,5	6,9	Đạt	
16	042	18000190	Nguyễn Thị Mai	Hương	14.02.2000	QTSH	8,0	7,7	10,0	8,4	Đạt	
17	046	18000183	Phan Thị Khánh	Huyền	01.12.2000	QTSH	3,6	6,7	7,0	6,0	Đạt	
18	047	18000184	Trương Khánh	Huyền	13.10.2000	QTSH	8,4	8,3	9,0	8,5	Đạt	
19	053	18000044	Nguyễn Bảo	Lâm	11.12.2000	QTSH	10,0	8,2	9,0	8,9	Đạt	
20	057	18000048	Nguyễn Thị Phương	Linh	04.01.2000	QTSH	7,6	8,5	6,0	7,7	Đạt	
21	055	18000200	Dương Thảo	Linh	08.01.2000	QTSH	10,0	9,8	9,5	9,8	Đạt	
22	067	18001806	Hoàng Tường	Minh	11.5.2000	QTSH				0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
23	069	18000051	Lê Mậu Nhật	Minh	07.01.2000	QTSH				0,0	Không đạt	Không thi
24	071	18000053	Nguyễn Ngọc	Nam	25.02.1999	QTSH	6,8	6,7	7,0	6,8	Đạt	
25	073	18001566	Đặng Thị	Ngà	08.06.2000	QTSH	4,0	5,7	6,0	5,4	Đạt	
26	077	18000064	Nguyễn Phương	Nhi	11.12.2000	QTSH						Miễn học
27	078	18000068	Nguyễn Ý	Như	14.07.2000	QTSH	7,2	7,7	6,5	7,3	Đạt	
28	082	18000071	Nguyễn Văn	Phúc	12.01.1997	QTSH	0,4	2,5	5,0	2,6	Không đạt	
29	085	18000233	Bùi Thị Thu	Phương	21.10.2000	QTSH	8,0	7,3	8,0	7,7	Đạt	
30	089	18000080	Phạm Thị Như	Quỳnh	21.05.2000	QTSH	6,4	5,8	4,0	5,5	Đạt	
31	092	18000241	Nguyễn Minh	Son	24.07.2000	QTSH	7,6	9,3	9,0	8,8	Đạt	
32	097	18000254	Nguyễn Tuấn	Thành	15.09.2000	QTSH	8,8	8,8	9,0	8,9	Đạt	
33	098	18000257	Lê Thị Phương	Thảo	2.8.2000	QTSH	9,2	8,7	5,0	7,9	Đạt	
34	099	18000260	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06.10.2000	QTSH	8,4	8,2	6,0	7,7	Đạt	
35	106	18000104	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	30.06.1998	QTSH	6,4	5,8	7,5	6,4	Đạt	
36	108	18000095	Đặng Thu	Trang	25.06.2000	QTSH	8,4	7,5	4,0	6,9	Đạt	
37	110	18000269	Cao Thị Thu	Trang	29.10.2000	QTSH	9,6	7,7	7,5	8,1	Đạt	
38	107	18000094	Bùi Ngọc Linh	Trang	05.12.2000	QTSH	8,4	9,3	6,5	8,4	Đạt	
39	109	18000097	Lê Thị	Trang	20.03.2000	QTSH	8,8	9,2	8,0	8,8	Đạt	

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/ Khoa	Kết quả thi				Ghi chú	
							Nghe	Đọc-Viết	Nói	Kết luận		
40	127	18000280	Nguyễn Thành	Trung	15.09.2000	QTSH	8,8	8,2	8,0	8,3	Đạt	
41	117	18000244	Lê Thị Cẩm	Tú	12.07.2000	QTSH	10,0	9,2	8,0	9,1	Đạt	
42	121	18000105	Nguyễn Thị	Vân	10.12.2000	QTSH	9,2	9,3	6,5	8,6	Đạt	
43	123	18000283	Nguyễn Hữu	Việt	11.27.2000	QTSH	8,8	7,7	8,0	8,1	Đạt	
44	004	18000370	Nguyễn Quỳnh	Anh	16.03.2000	QTVLH	6,4	6,5	6,5	6,5	Đạt	
45	001	18000367	Nguyễn Duy Việt	Anh	06.01.2000	QTVLH	9,2	7,3	8,0	8,0	Đạt	
46	014	18000614	Vũ Thị Ngọc	Ánh	21.08.2000	QTVLH	4,0	7,5	5,0	6,0	Đạt	
47	022	18000386	Ngô Trường Minh	Đức	13.07.1999	QTVLH				0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
48	026	18000622	Trần Bá	Dương	23.09.2000	QTVLH	7,2	9,0	8,0	8,3	Đạt	
49	028	18000383	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	30.06.2000	QTVLH	8,8	7,5	7,5	7,8	Đạt	
50	032	18000389	Lương Thị	Hải	04.05.1999	QTVLH				0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
51	034	18000392	Nguyễn Thị	Hằng	11.05.2000	QTVLH	7,6	5,7	4,0	5,8	Đạt	
52	035	18000396	Nguyễn Thị	Hiển	15.11.2000	QTVLH	4,8	7,2	4,0	5,8	Đạt	
53	036	18000399	Nguyễn Đức	Hiếu	12.10.2000	QTVLH	9,8	8,2	9,0	8,8	Đạt	
54	044	18000632	Đình Ngọc Quang	Huy	06.07.2000	QTVLH	8,4	9,2	9,0	9,0	Đạt	
55	051	18000411	Nguyễn Trung	Kiên	09.10.2000	QTVLH	9,6	8,5	7,0	8,4	Đạt	
56	059	18000418	Nguyễn Phương	Linh	29.05.2000	QTVLH	8,4	5,7	5,5	6,3	Đạt	
57	056	18000642	Trần Khánh	Linh	03.09.2000	QTVLH	7,2	8,0	6,0	7,3	Đạt	
58	070	18000424	Nguyễn Hà	Nam	05.07.2000	QTVLH	6,8	7,0	7,0	7,0	Đạt	
59	072	18000653	Bùi Phương	Nam	01.01.2000	QTVLH	7,6	7,3	8,0	7,6	Đạt	
60	074	18000426	Đỗ Thùy	Ngân	03.12.2000	QTVLH	7,2	4,8	7,0	6,0	Đạt	
61	079	18000430	Ngô Thị Tố	Như	10.04.2000	QTVLH	6,4	6,0	7,5	6,5	Đạt	
62	080	18000429	Nguyễn Thùy	Nhung	28.10.2000	QTVLH	6,0	6,7	5,0	6,1	Đạt	
63	084	18000664	Nguyễn Thị Minh	Phương	22.07.2000	QTVLH	8,0	5,8	8,5	7,0	Đạt	
64	090	18001495	Chu Thúy	Quỳnh	17.03.2000	QTVLH				0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
65	091	18000441	Lê Văn	Sáng	05.10.2000	QTVLH	2,8	3,5	3,0	3,2	Không đạt	
66	095	18000681	Phan Cao	Thăng	20.03.1999	QTVLH	8,4	7,7	8,0	8,0	Đạt	
67	096	18000452	Phạm Tiến	Thành	31.08.2000	QTVLH	7,6	8,0	8,0	7,9	Đạt	
68	100	18000457	Nguyễn Hữu	Thọ	15.02.2000	QTVLH	9,2	9,2	9,0	9,2	Đạt	
69	101	18000458	Đỗ Ngọc	Thùy	28.11.2000	QTVLH	8,4	7,2	6,0	7,2	Đạt	
70	112	18000460	Ninh Kiều	Trang	20.08.2000	QTVLH	9,2	9,2	8,0	8,9	Đạt	
71	114	18000464	Bùi Minh	Trí	26.10.2000	QTVLH				0,0	Không đạt	Không thi
72	118	18000676	Nguyễn Mai Cẩm	Tú	18.11.2000	QTVLH	9,2	8,5	7,0	8,3	Đạt	
73	011	18000557	Nguyễn Thị Kim	Anh	18.12.2000	TTHH				0,0	Không đạt	Không thi
74	010	18000552	Đàm Đức	Anh	23.08.2000	TTHH	6,8	5,7	5,0	5,8	Đạt	
75	005	18000555	Nguyễn Phúc	Anh	09.04.2000	TTHH	9,2	8,5	7,5	8,4	Đạt	
76	007	18000554	Lê Đức	Anh	02.10.2000	TTHH	9,2	8,0	9,0	8,6	Đạt	
77	008	18000556	Nguyễn Thị Diệu	Anh	12.01.2000	TTHH	9,6	8,8	7,5	8,7	Đạt	
78	016	18000558	Hà Gia	Bách	10.12.2000	TTHH	9,6	8,2	6,0	8,0	Đạt	
79	017	18000559	Nguyễn Trường	Chinh	07.09.2000	TTHH	7,6	6,2	4,0	6,0	Đạt	
80	023	18000561	Nguyễn Ngọc	Đức	17.03.2000	TTHH	7,6	8,2	9,0	8,3	Đạt	
81	025	18000560	Ngô Thu	Dung	05.09.2000	TTHH	9,6	9,0	8,5	9,0	Đạt	
82	029	18000562	Nguyễn Hương	Giang	26.09.2000	TTHH	8,0	7,3	7,0	7,4	Đạt	

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành/ Khoa	Kết quả thi				Ghi chú	
							Nghe	Đọc-Viết	Nói	Kết luận		
83	030	18000563	Nguyễn Thị Thanh	Hà	29.11.2000	TTHH	8,0	7,5	7,0	7,5	Đạt	
84	040	18000565	Phạm Thế	Hùng	14.04.2000	TTHH	8,4	8,3	8,0	8,3	Đạt	
85	045	18000566	Đình Quang	Huy	18.02.2000	TTHH	6,0	6,8	9,0	7,2	Đạt	
86	048	18000567	Vũ Thị	Huyền	06.01.2000	TTHH	8,8	7,0	8,0	7,7	Đạt	
87	049	18000568	Bùi Thị An	Khanh	17.12.2000	TTHH	10,0	9,0	10,0	9,5	Đạt	
88	050	18000569	Đông Bảo	Khanh	02.09.2000	TTHH	10,0	9,2	10,0	9,6	Đạt	
89	052	18000570	Trần Thanh	Lam	16.08.1997	TTHH	9,6	9,0	8,0	8,9	Đạt	
90	054	18000571	Hoàng Duy	Lâm	18.07.2000	TTHH	8,4	6,5	8,5	7,5	Đạt	
91	058	18000572	Ngô Thị Thùy	Linh	25.08.2000	TTHH	6,8	6,3	5,5	6,2	Đạt	
92	060	18000573	Nguyễn Diệu	Linh	06.08.2000	TTHH	9,6	5,5	4,0	6,2	Đạt	
93	062	18000574	Phạm Hoàng	Long	02.08.2000	TTHH	8,8	8,3	9,0	8,6	Đạt	
94	064	18000576	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	16.08.2000	TTHH	2,0	4,8	6,0	4,4	Đạt	
95	065	18000577	Vũ Thị Quỳnh	Mai	05.02.2000	TTHH	9,6	9,8	9,0	9,6	Đạt	
96	066	18000578	Phan Tiến	Mạnh	16.07.2000	TTHH	8,4	5,3	7,0	6,5	Đạt	
97	068	18000580	Phạm Ngọc	Minh	15.08.2000	TTHH	9,6	9,3	10,0	9,6	Đạt	
98	075	18000584	Lê Minh	Nghĩa	09.03.2000	TTHH				0,0	Không đạt	Không đủ đk thi
99	076	18000585	Trần Thị Thảo	Nguyễn	23.10.2000	TTHH	6,8	8,5	8,5	8,1	Đạt	
100	081	18000581	Phùng Thị	Nương	27.02.2000	TTHH	4,8	5,2	5,0	5,1	Đạt	
101	083	18000587	Đỗ Thị Thu	Phuong	21.10.2000	TTHH	4,8	7,5	7,0	6,7	Đạt	
102	086	18000588	Vũ Văn	Quang	06.10.2000	TTHH	4,4	4,2	5,0	4,5	Đạt	
103	088	18000590	Phuong Minh	Quốc	15.09.2000	TTHH	6,4	5,3	7,0	6,0	Đạt	
104	087	18000589	Nguyễn Mạnh	Quốc	25.10.2000	TTHH	8,8	8,3	8,5	8,5	Đạt	
105	094	18000591	Nguyễn Ngọc Duy	Tân	01.12.2000	TTHH	9,6	6,2			Không xét	Bỏ thi Nói
106	102	18000596	Phan Thanh	Thủy	23.07.2000	TTHH	8,0	7,7	7,0	7,6	Đạt	
107	103	18000592	Nguyễn Đức	Tiến	22.08.2000	TTHH				0,0	Không đạt	Không thi
108	104	18000593	Bùi Hữu	Tiếp	20.01.1999	TTHH	10,0	8,7	6,0	8,4	Đạt	
109	111	18000597	Bùi Thu	Trang	31.05.2000	TTHH	8,4	8,3	7,0	8,0	Đạt	
110	116	18000598	Nguyễn Đức	Trung	05.03.2000	TTHH	9,2	8,7	2,0	7,2	Đạt	
111	115	18000599	Phạm Quốc	Trung	10.12.2000	TTHH	9,2	9,5	6,5	8,7	Đạt	
112	32a	18001861	Đỗ Thành	Trung	10.11.2000	TTHH	9,2	9,0	8,0	8,8	Đạt	
113	119	18000594	Trịnh Thị	Tuyết	04.07.2000	TTHH	7,2	8,2	7,0	7,7	Đạt	
114	122	18000600	Đào Anh	Vân	17.05.2000	TTHH	8,8	9,3	4,0	7,9	Đạt	
115	012	18000867	Trần Tuấn	Anh	17.07.2000	TTKHMT						Miễn học
116	020	18000775	Nguyễn Quốc	Đạt	11.07.2000	TTKHMT				0,0	Không đạt	Không thi
117	021	18000869	Nguyễn Văn	Đạt	01.01.2000	TTKHMT	7,0	6,2	5,5	6,2	Đạt	
118	027	18000868	Phạm Thị Khánh	Dương	30.12.2000	TTKHMT	9,6	8,3	7,0	8,3	Đạt	
119	037	18000871	Đỗ Minh	Hiếu	21.02.2000	TTKHMT	9,2	6,7	8,0	7,7	Đạt	
120	063	18000876	Nguyễn Đăng	Long	01.10.2000	TTKHMT	3,6	5,0	5,0	4,7	Đạt	
121	061	18001401	Dương Hoàng	Long	09.10.2000	TTKHMT	10,0	9,8	9,0	9,7	Đạt	
122	093	18000881	Phạm Đức	Tài	22.06.2000	TTKHMT	8,0	8,5	9,0	8,5	Đạt	
123	105	18000883	Nguyễn Trọng	Tín	17.02.2000	TTKHMT	8,4	8,5	6,5	8,0	Đạt	
124	113	18000886	Vũ Thị	Trang	05.11.1999	TTKHMT	9,2	9,0	2,0	7,3	Đạt	
125	120	18001449	Đặng Nguyễn Khánh	Vân	28.01.2000	TTKHMT				0,0	Không đạt	Không đủ đk thi

Danh sách gồm: 125 thí sinh

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành/ Khoa	Kết quả thi				Ghi chú
						Nghe	Đọc-Viết	Nói	Kết luận	

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Ngọc Quyên

Người kiểm tra: Nguyễn Hải Hà

**KHOA TIẾNG ANH
KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Hà Nội, ngày tháng năm 2018
**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mai Thị Loan

Hà Lê Kim Anh